

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/DS-ST
Ngày 07-11-2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ–TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hoà–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/TLST–DS ngày 10 tháng 2 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐST–DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Hồng N, sinh năm 1946; Địa chỉ: ấp TQA, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Anh Nguyễn Minh K, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp TH, xã TT A, huyện MCN, tỉnh Bến Tre. Anh K có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Đặng Thị Xuyên E, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp TL, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Vào ngày 06/7/2018 âm lịch (ngày 15/9/2018 dương lịch) bà N có cho chị XE vay 15.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng.

- Vào ngày 16/7/2018 âm lịch (ngày 25/9/2018 dương lịch) bà N cho chị XE vay tiếp 250.000.000 đồng; thời hạn vay là 01 tuần.

Tổng cộng hai lần vay là 265.000.000 đồng, mục đích chị XE vay là để trả nợ cho Ngân hàng. Chị XE cam kết, sau khi trả xong nợ Ngân hàng thì chị XE sẽ vay lại để trả cho bà N nhưng từ đó đến nay chị XE không trả cho bà N.

Bà N yêu cầu giải quyết như sau:

- Khoản vay thứ 1: vốn vay 15.000.000 đồng, lãi suất từ ngày 16/10/2018 đến ngày 07/11/2022 là 48 tháng 20 ngày x 0,83%/tháng = 6.059.000 đồng.

- Khoản vay thứ 2: vốn 250.000.000 đồng, lãi suất từ ngày 03/10/2018 đến ngày 07/11/2022 là 49 tháng x 0,83%/tháng = 101.675.000 đồng.

Bà N yêu cầu chị XE phải có nghĩa vụ trả cho bà N vốn vay là 265.000.000 đồng, nợ lãi là 107.734.000 đồng. Và lãi suất từ ngày 08/11/2022 đến khi nào Tòa án giải quyết xong vụ án. Bà N tự nguyện rút một phần yêu cầu nợ lãi là 3.566.000 đồng.

Đối với chi phí giám định là 3.500.000 đồng, bà N đề nghị xem xét giải quyết theo quy định. Bà N yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 11/02/2022 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị đơn chị Đặng Thị Xuyên E đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt là chưa chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật.

Về nội dung: căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 BLTTDS; Điều 116 đến Điều 119, Điều 463, 466, 468 BLDS và Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc bà Đặng Thị

Xuyến E có nghĩa vụ thanh toán cho bà 265.000.000 đồng tiền gốc và 107.734.000 đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Đặng Thị Xuyến E có đăng ký hộ khẩu tại ấp TL, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng:

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Minh Khôi có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Khôi.

- Bị đơn chị Đặng Thị Xuyến E đã được Tòa án án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị XE đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị XE.

[4] Về nội dung vụ án: Bà N yêu cầu chị XE phải có nghĩa vụ trả cho bà N vốn vay là 265.000.000 đồng, nợ lãi là 107.734.000 đồng, tổng cộng là 372.734.000 đồng.

[5] Xét thấy: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Hồng N đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là 02 bản gốc biên nhận ngày 06/7/2018 và 16/7/2018 và Kết luận giám định 279/2022/KL-KTHS ngày 14/7/2022 của Công an tỉnh Bến Tre để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Đối với bị đơn Đặng Thị Xuyến E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên bị đơn Đặng Thị Xuyến E đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Trần Hồng N giao nộp để xét xử vụ án.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N, xét thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa bà N với chị XE được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn Đặng Thị Xuyến E đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lễ đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Hồng N là có căn cứ nên

cần buộc bị đơn Đặng Thị Xuyên E có trách nhiệm trả cho bà N số tiền là 372.734.000 đồng phù hợp.

[7] Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 11/02/2022 của Toà án nhân dân huyện Thanh Phú để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8] Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Thanh Phú hoàn trả cho bà Trần Hồng N số tiền là 16.200.000 đồng theo uỷ nhiệm chi ngày 10/02/2022 (Do ông Nguyễn Minh Khôi nộp thay).

[9] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Hồng N được chấp nhận nên bị đơn Đặng Thị Xuyên E phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán toà án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hồng N. Buộc chị Đặng Thị Xuyên E có nghĩa vụ trả cho bà Trần Hồng N số tiền là 372.734.000 đồng (trong đó nợ gốc là 265.000.000 đồng tiền gốc và nợ lãi là 107.734.000 đồng).

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 11/02/2022 của Toà án nhân dân huyện Thanh Phú để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Thanh Phú hoàn trả cho bà Trần Hồng N số tiền là 16.200.000 đồng theo uỷ nhiệm chi ngày 10/02/2022 (Do ông Nguyễn Minh Khôi nộp thay).

4. Về chi phí tố tụng: Chị Đặng Thị Xuyên E có nghĩa vụ trả cho bà Trần Hồng N số tiền là 3.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Xuyên E phải nộp là 18.811.700 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân

